

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)

Phòng thi: C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 24/02/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mặt khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0195	SV6049478	NGUYỄN TRẦN HẢI	MINH	09/04/1998		
2	TA0196	SV6049479	NGUYỄN HẢI	NAM	09/04/1998		
3	TA0197	SV6049480	TRẦN VĂN	NHÂN	09/04/1998		
4	TA0198	SV6049481	BÙI THỊ	OANH	19/01/1998		
5	TA0199	SV6049482	TỔNG VĂN	PHÚC	13/03/1999		
6	TA0200	SV6049483	TRẦN HOÀNG	QUÂN	04/01/1999		
7	TA0201	SV6049484	TẶNG THỊ NHƯ	QUỲNH	20/09/1999		
8	TA0202	SV6049485	PHẠM TRƯỜNG	SINH	02/05/1999		
9	TA0203	SV6049486	NGUYỄN NHƯ	TÂM	06/10/1999		
10	TA0204	SV6049487	HOÀNG MINH	THẮNG	23/09/1997		
11	TA0205	SV6049488	VƯƠNG VĂN	THẮNG	25/10/1999		
12	TA0206	SV6049489	VŨ NGỌC	THẮNG	15/09/1998		
13	TA0207	SV6049490	NGUYỄN MINH	TIẾN	05/02/1999		
14	TA0208	SV6049491	HOÀNG THU	TRANG	10/05/1999		
15	TA0209	SV6049492	LÊ MINH	TRÍ	28/03/1998		
16	TA0210	SV6049493	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	11/01/1999		
17	TA0211	SV6049494	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	03/08/1999		
18	TA0212	SV6049495	NGUYỄN CÔNG	TÚ	10/01/1998		
19	TA0213	SV6049496	NGUYỄN VĂN	TỰ	16/05/1999		
20	TA0214	SV6049497	NGUYỄN ANH	TUẤN	09/08/1998		
21	TA0215	SV6049498	LÊ ANH	TUẤN	06/02/1998		
22	TA0216	SV6049499	LÊ THANH	TÙNG	07/06/1999		
23	TA0217	SV6049500	NGUYỄN THỊ	THÚY	25/08/1998		
24	TA0218	SV6049501	PHẠM THANH	TÙNG	14/01/1997		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)